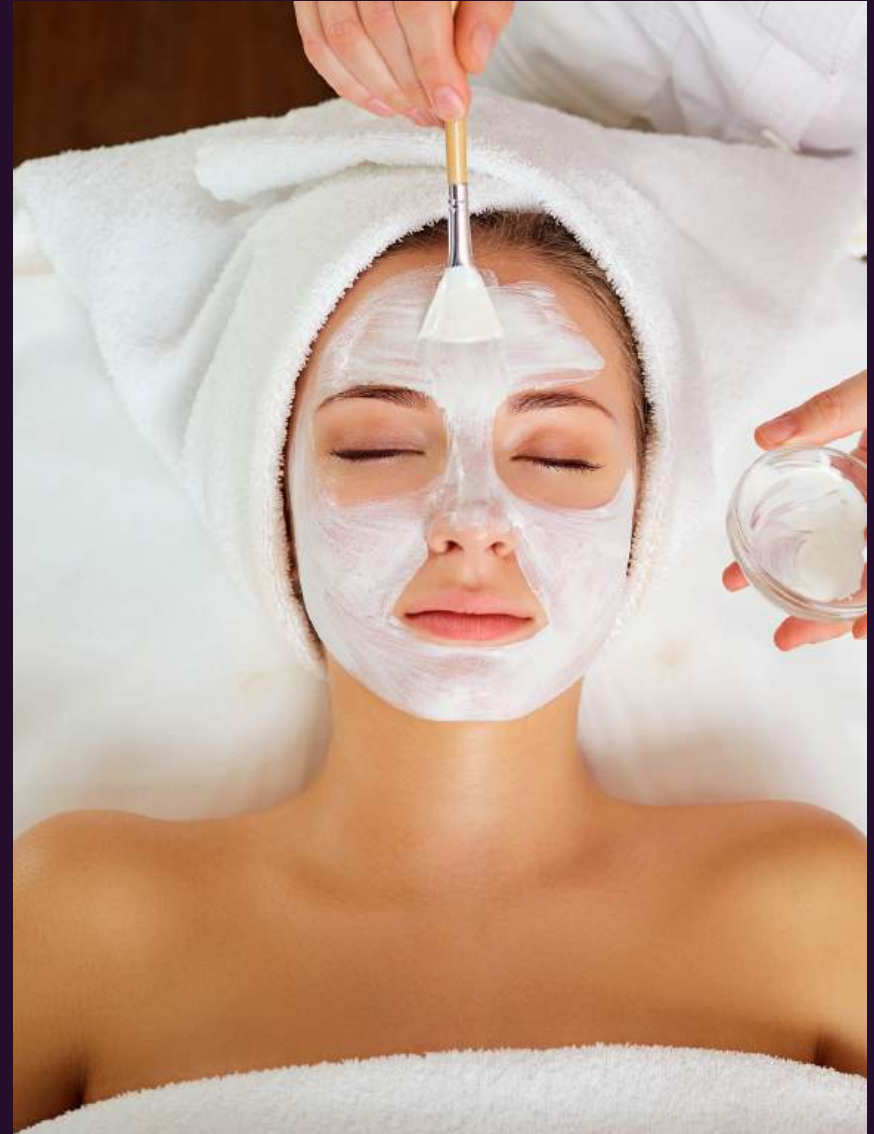




KHÓA LUYỆN THI

DIPLOMA IN BEAUTY THERAPY SERVICES LEVEL II

www.vodung.edu.vn



QUY ĐỊNH CHUNG

- Tổng số giờ học bắt buộc: 300 giờ
 - Tổng số giờ tự học và tự nghiên cứu: 70 giờ
 - Tổng số giờ hoàn thành: 370 giờ
-
- Học viên phải đạt tối thiểu 60% ở mỗi đơn vị để vượt qua, nếu các lĩnh vực yêu cầu không đạt điểm tối thiểu sẽ dẫn đến việc không đạt đơn vị đó và phải thi lại vào một ngày khác.
 - Học viên cần vượt qua tất cả các bài thi trắc nghiệm MCQ và phần thực hành để đạt được Văn bằng đầy đủ.
 - Học viên được thi lại tối đa 2 lần cho các đơn vị không đạt trong vòng 2 năm kể từ kỳ thi đầu tiên. Nếu cả 3 lần thi đều không đạt (kể cả lần thi đầu tiên) bắt buộc đóng phí học lại từ đầu.

VĂN BẰNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ NHƯ SAU:

Xuất sắc	Từ 85% trở lên
Giỏi	Từ 75% - 84%
Đạt	Từ 60% - 74%
Không đạt	Dưới 59%

GENERAL REGULATIONS

- Total Required Study Hours: 300 hours
 - Total Self-study and Research Hours: 70 hours
 - Total Completion Hours: 370 hours
-
- Students must achieve a minimum score of 60% in each unit to pass. Failure to meet the minimum required score in any area will result in failing that unit and the need to retake the exam on a different date.
 - Students must pass all multiple-choice (MCQ) exams and practical assessments in order to obtain the full diploma.
 - Students are allowed a maximum of two retakes for failed units within two years from the date of the first exam. If a student fails all three attempts (including the initial attempt), they are required to pay the full tuition fee to retake the course from the beginning.

THE DIPLOMA IS GRADED AS FOLLOWS:

Excellent	85% and above
Good	75% - 84%
Pass	60% - 74%
Fail	Below 59%

Lý thuyết: Bài thi trắc nghiệm

- Hướng dẫn của giám khảo: 10 phút
- Thời lượng bài thi: 1 giờ 55 phút cho 75 câu hỏi trắc nghiệm
- Kết quả bài kiểm tra MCQ sẽ được cung cấp cho các Trung tâm trong vòng 6 tuần sau ngày thi, và thí sinh cần đạt 60% để vượt qua.

Thực hành:

- Hướng dẫn của giám khảo: 10 phút
- Thời lượng thi các đơn vị bắt buộc: 3 giờ 00
- 10 phút cho phần chuẩn bị và dọn dẹp waxing

Tổng thời lượng thi: 3 giờ 10 phút

- Trong phần quan sát thực hành, giám khảo sẽ quan sát quá trình tư vấn, chăm sóc khách hàng, sức khỏe và an toàn, cũng như ngoại hình, và điểm sẽ được chấm cho tất cả các lĩnh vực này. Câu hỏi vấn đáp cũng sẽ được đặt ra để xác nhận kiến thức nền tảng trong tất cả các đơn vị.
- Điểm đạt cho phần thực hành là 60% cho mỗi đơn vị.

Hồ sơ năng lực (Portfolio):

- Học viên được yêu cầu hoàn thành một hồ sơ năng lực bao gồm tất cả các đơn vị học trong Chứng chỉ CIBTAC Level 2 về Beauty Therapy Services.



Theory: Multiple Choice Exam

- Examiner's briefing: 10 minutes
- Exam duration: 1 hour 55 minutes for 75 multiple-choice questions
- The MCQ test results will be provided to the Centres within 6 weeks from the exam date, and candidates must achieve 60% to pass.

Practical:

- Examiner's briefing: 10 minutes
- Duration for compulsory units: 3 hours
- An additional 10 minutes is allocated for waxing setup and clean-up.

Total exam duration: 3 hours 10 minutes

- During the practical observation, the examiner will assess consultation, client care, health and safety, as well as appearance. Marks will be awarded in all these areas. Oral questions will also be asked to confirm underpinning knowledge across all units.
- The passing mark for each practical unit is 60%.

Portfolio:

- Learners are required to complete a portfolio of evidence covering all the units in the CIBTAC Level 2 Certificate in Beauty Therapy Services.



QUY TRÌNH CHI TIẾT / DETAILED PROCEDURE

- Tư vấn: 5 phút
 - Làm sạch da (rửa mặt): 10 phút
 - Phân tích da: 15 phút
 - Tẩy tế bào chết: 5 phút
 - Nhuộm mi hoặc mày: 15 phút
 - Tỉa chân mày (định hình chân mày): 10 phút
 - Massage mặt: 10 phút
 - Mặt nạ: 15 phút
 - Chăm sóc sau massage và tư vấn: 05 phút
 - Trang điểm: 20 phút
 - Manicure và Pedicure: 30 phút
 - Waxing: 40 phút
- Consultation: 5 minutes
 - Cleansing (facial cleansing): 10 minutes
 - Skin analysis: 15 minutes
 - Exfoliation: 5 minutes
 - Eyelash or eyebrow tinting: 15 minutes
 - Eyebrow shaping: 10 minutes
 - Facial massage: 10 minutes
 - Mask application: 15 minutes
 - Post-massage care and consultation: 5 minutes
 - Make-up application: 20 minutes
 - Manicure and Pedicure: 30 minutes
 - Waxing: 40 minutes





01

VỆ SINH VÀ AN TOÀN TRONG SPA – SALON

- Hiểu biết các nguyên tắc thực hành an toàn và sức khỏe
- Hiểu biết các yêu cầu giám sát và duy trì an toàn và sức khỏe trong salon
- Có khả năng thực hiện đánh giá rủi ro
- Nguyên tắc vệ sinh, phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm
- Xử lý các loại rác thải khác nhau
- Xử lý tình huống khẩn cấp
- Sử dụng các thiết bị PCCC

HYGIENE AND SAFETY IN SPA – SALON

- Know and understand the principles of health and safety practice
- Know and understand the requirements for monitoring and maintaining health and safety in the salon
- Be able to carry out a risk assessment
- Principles of hygiene, infection prevention and control
- Disposal of different types of salon waste
- Dealing with emergency situations
- Use of firefighting equipment

02

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG VÀ GIAO TIẾP TRONG NGÀNH LÀM ĐẸP

- Các hình thức giao tiếp
- Kỹ thuật tư vấn để xác định mục tiêu điều trị
- Giao tiếp hiệu quả để xác định nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng
- Đưa ra lời khuyên và khuyến nghị rõ ràng cho khách hàng
- Bảo mật thông tin khách hàng
- Nhận phản hồi từ khách hàng
- Cách xử lý và hỗ trợ trong khiếu nại của khách hàng

CLIENT CARE AND COMMUNICATIONS IN BEAUTY-RELATED INDUSTRIES

- Forms of communication
- Consultation techniques to identify treatment objectives
- Effective communication to identify client needs and expectations
- Providing the client with clear advice and recommendations
- Client confidentiality
- Receiving client feedback
- Referring and assisting in client complaints



03

NHIỆM VỤ LỄ TÂN TẠI SALON

- Tạo hình ảnh tích cực
- Giao tiếp và cư xử trong môi trường salon:
 - *Giao tiếp bằng lời*
 - *Giao tiếp không lời*
 - *Giao tiếp bằng văn bản*
- Nhiệm vụ lễ tân thông thường tại salon
- Cách đặt và ghi lại lịch hẹn, cách ghi nhận, xử lý thông tin, thẩm quyền xử lý thông tin
- Các hình thức thanh toán

SALON RECEPTION DUTIES

- Receptionist's positive attitude
- Communication and behaviour in the salon environment:
 - *Verbal communication*
 - *Non-verbal communication*
 - *Written communication*
- Typical reception duties in the salon
- How to make and record appointments, how to record and process information, authority in handling information
- Methods of payment



04

THỰC HIỆN CHĂM SÓC DA MẶT CHUYÊN NGHIỆP

- Kỹ thuật tư vấn khác nhau để xác định mục tiêu điều trị
- Chống chỉ định và hạn chế trong điều trị da mặt
- Phản ứng có thể xảy ra trong và sau điều trị, và cách xử lý
- Tình trạng da và phân loại da
- Lối sống và môi trường ảnh hưởng lên tình trạng da
- Hiểu sản phẩm, dụng cụ và thiết bị sử dụng trong chăm sóc da mặt
- Hiểu và nắm được giải phẫu học và sinh lý học liên quan đến chăm sóc da mặt

PERFORM PROFESSIONAL FACIAL SKINCARE

- Consultation techniques to identify treatment objectives
- Contra-indications and restrictions to facial treatments
- Possible reactions during and after treatment and how to handle them
- Skin conditions and skin classification
- The effects of lifestyle and environmental factors on the skin condition
- Understanding products, tools and equipment used in facial skincare
- Understanding anatomy and physiology related to facial skincare





05

SETUP QUY TRÌNH CHUẨN BỊ CHĂM SÓC DA
SETUP AND PREPARATION PROCEDURES FOR SKINCARE

06

HIỂU & THỰC HIỆN QUY TRÌNH CHĂM SÓC ĐIỀU TRỊ DA
UNDERSTAND AND PERFORM SKIN TREATMENT PROCEDURES

07

WAXING

08

CHĂM SÓC MÓNG TAY & CHÂN
MANICURE AND PEDICURE

09

TRANG ĐIỂM
MAKEUP

10

NHUỘM MI - MÀY
EYELASH AND EYEBROW TINTING